

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-PT
Ngày: 18-01-2022
V/v tranh chấp về hợp đồng góp hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Thu

Ông Trần Quốc Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng góp hội.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 225/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1987; Địa chỉ: số 160 ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Giấy ủy quyền ngày 17/01/2022.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lương Thị Thanh T1, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

2.2. Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

2.3. Bà Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

2.4. Bà Lê Thị Thúy H, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

(ông K có mặt, các bị đơn có đơn xin vắng mặt)

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa như sau:

Vào ngày 22 tháng 3 năm 2014 bà Nguyễn Thị T có tổ chức đây hội mùa 5.000.000đồng, 6 tháng khai 1 lần, gồm 14 hội viên, hội hưởng huê hồng do bà T làm thảo hội, mục đích góp vốn xoay vòng trong công việc làm ăn. Hội khai lần đầu ngày 22 tháng 3 năm 2014, ngày mãn hội ngày 22 tháng 8 năm 2020. Đây hội này bà Lương Thị Thanh T1, bà Đỗ Thị C, bà Phạm Thị Thùy D và bà Lê Thị Thúy H mỗi người tham gia 01 phần. Đây hội này bà T1, bà C, bà D, bà H đã hốt, cụ thể như sau: Hội khai đến lần thứ 7 bà H được hốt hội, bà giao tiền hội cho bà cho bà H 42.350.000đồng; Lần thứ 9 bà C được hốt hội, bà giao tiền hội cho bà C 49.000.000đồng; Lần thứ 10 bà T1 được hốt hội, bà giao tiền hội cho bà T1 51.000.000đồng; Lần thứ 11 bà D được hốt hội, bà giao tiền hội cho bà D 53.000.000đồng. Sau khi hốt hội xong bà H, bà C, bà T1, bà D đóng đầy đủ nhưng lần cuối cùng (ngày mãn hội 22/8/2020) bà H, bà C, bà T1, bà D không đóng hội chết mỗi người 5.000.000đồng. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà H, bà C, bà T1, bà D mỗi người phải đóng tiền hội chết cho bà T là 5.000.000đồng.

Tại các biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án các bị đơn bà H, bà C, bà T1, bà D trình bày và thừa nhận có tham gia chơi hội với bà T là đúng, thừa nhận còn 01 lần hội chết chưa đóng cho bà T mỗi người là 5.000.000đồng là đúng. Tuy nhiên, lý do không đóng 5.000.000đồng tiền hội chết cho bà T là do khi giao tiền hốt hội bà T giao không đủ còn thiếu 4.000.000đồng (cụ thể bà H 46.350.000đồng nhưng bà T giao 42.350.000đồng; bà C 53.000.000đồng nhưng bà T giao 49.000.000đồng; bà T1 55.000.000đồng nhưng bà T giao 51.000.000đồng; bà D 57.000.000đồng nhưng bà T giao 53.000.000đồng). Nay bà T yêu cầu bà H, bà C, bà T1, bà D mỗi người đóng cho bà T là 5.000.000đồng tiền hội chết thì bà H, bà C, bà T1, bà D không đồng ý mà đồng ý đóng 1.000.000đồng, còn 4.000.000đồng trừ lại phần tiền bà T giao hội thiếu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 02/6/2021 của Tòa án nhân dân thị xã K đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với các bị đơn bà Lê Thị Thúy H; Bà Đỗ Thị C; Bà Lương Thị Thanh T1 và bà Phạm Thị Thùy D.

2. Buộc bà Lê Thị Thúy H; Bà Đỗ Thị C; Bà Lương Thị Thanh T1 và bà Phạm Thị Thùy D mỗi người phải thực hiện nghĩa vụ đóng tiền hội chết cho bà Nguyễn Thị T 1.000.000đồng (một triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí:

4.1. Buộc bà Lê Thị Thúy H; Bà Đỗ Thị C; Bà Lương Thị Thanh T1 và bà Phạm Thị Thùy D mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 800.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị T đã nộp là 1.200.000đồng theo biên lai số 0009456; 0009458; 0009459 và 0009460 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 400.000đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 15/6/2021 bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T buộc các bị đơn mỗi người phải trả cho bà 5.000.000đồng tiền hối chết và các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các bị đơn vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phản tranh luận:

Người địa diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trong đây hội này có 2 người hốt hội xong sau đó bỏ trốn không đóng hội chết, bà T làm đầu thảo hội phải choàng hội cho các hội viên. Tuy nhiên, do các hội viên góp vốn xoay vòng bà T chỉ hưởng hoa hồng 1 triệu đồng mỗi kỳ hội nên bà T không có khả năng choàng hội, vì vậy bà T có mời các hội viên họp để xin các hội viên mỗi khi hốt hội giảm bớt cho bà T 4.000.000đồng, bà T làm đầu thảo hội phải choàng 6 triệu đồng. Tại buổi họp này tất cả các hội viên đều có mặt (bà T1, bà C, bà D, bà H cũng có mặt) và mỗi người đồng ý giảm cho bà T 4.000.000đồng. Do tất cả các hội viên có mặt và đồng ý với nội dung trên nên bà T không lập biên bản. Khi bà T giao tiền hội cho bà T1, bà C, bà D, bà H mỗi người thiếu 4.000.000đồng thì lúc đó bà T1, bà C, bà D, bà H đồng ý nhận và không có ý kiến gì, hiện nay bà T1, bà C, bà D, bà H nói không đồng ý giảm bớt tiền và không đóng hội chết là không đúng với thực tế và nội dung buổi họp. Tất cả là do uy tín, bà T là chủ thảo rất có uy tín, trước giờ giao hội đầy đủ, không vi phạm. Vì vậy, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà T buộc bà T1, bà C, bà D và bà H mỗi người phải trả cho bà T 5.000.000đồng và phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kháng cáo của bà T đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Bà T kháng cáo yêu cầu mỗi bị đơn phải trả cho bà 5.000.000đồng tiền hối chết của kỳ hội cuối cùng chưa đóng. Các bị đơn thừa nhận chưa đóng kỳ hối chết cuối cùng cho bà T, tuy nhiên các bị đơn chỉ đồng ý đóng cho bà T mỗi người 1 triệu đồng vì khi bà T giao tiền hội cho các bị đơn mỗi người còn thiếu lại 4 triệu đồng. Bà T cũng thừa nhận giao tiền hội cho các bị đơn còn thiếu 4 triệu đồng, nhưng việc bà T giao tiền hội thiếu vì bà T có mở cuộc họp và tất cả các hội viên đều đồng ý giảm cho bà T 4 triệu đồng, trong đó 4 bị đơn cũng đồng ý giảm cho bà T 4 triệu đồng. Lời trình bày của bà T không được các bị đơn thừa nhận, bà T cung cấp chứng cứ là lời trình bày

của những người làm chứng chơi cùng dây hụi, tuy nhiên những người làm chứng trình bày tại buổi họp mặt ngày 30/7/2015 các bà H, bà C, bà T1, bà D có mặt, nhưng không có ý kiến gì, lúc đó các người này có đồng ý giảm cho bà T 4.000.000đồng hay không thì các ông bà không biết. Như vậy, không có cơ sở xác định bà H, bà C, bà T1, bà D đồng ý giảm bớt cho bà T 4.000.000đồng khi được hốt hụi. Do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T, tuy nhiên án sơ thẩm không tuyên bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà là có thiếu sót nên đề nghị sửa cách tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bà Nguyễn Thị T đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. các bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét kháng cáo của Thêm yêu cầu các bị đơn là Lương Thị Thanh T1, bà Đỗ Thị C, bà Phạm Thị Thùy D, bà Lê Thị Thúy H mỗi người phải đóng cho bà số tiền hụi chết là 5.000.000đồng và phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất hụi mở ngày 22/3/2014, hụi 5.000.000đồng, 6 tháng khui hụi 1 lần, có 14 hụi viên, hụi đã mãn ngày 22/8/2020, loại hụi chủ thảo hưởng hoa hồng và do bà T làm chủ thảo. Bà T1, bà C, bà D và bà H mỗi người tham gia 01 phần, đã hốt hụi và còn thiếu 1 kỳ hụi chết chưa đóng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định đây là tình tiết không cần chứng minh.

[2.2] Bà T trình bày bà T1, bà C, bà D và bà H không đóng hụi chết của kỳ hụi cuối cùng là 5.000.000đồng nên bà T yêu cầu bà T1, bà C, bà D và bà H mỗi người phải đóng cho bà 5.000.000đồng. Các bị đơn cũng thừa nhận còn thiếu lại 1 kỳ hụi chết cuối cùng chưa đóng với số tiền là 5.000.000đồng, nhưng chỉ đồng ý đóng tiền hụi chết cho bà T 1.000.000đồng, vì khi hốt hụi bà T giao tiền hụi cho các bị đơn còn thiếu 4.000.000đồng. Cụ thể bà H hốt hụi được 46.350.000đồng nhưng bà T giao 42.350.000đồng; Bà C hốt hụi được 53.000.000đồng nhưng bà T giao 49.000.000đồng; Bà T1 hốt hụi được 55.000.000đồng nhưng bà T giao 51.000.000đồng; Bà D hốt hụi được 57.000.000đồng nhưng bà T giao 53.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bà T cũng thừa nhận khi giao tiền hụi cho các bị đơn còn thiếu 4.000.000đồng.

[2.3] Bà T cho rằng việc giao tiền hụi cho các bị đơn mỗi người còn thiếu 4.000.000đồng vì bà T bị 2 hụi viên giựt hụi không đóng hụi chết, bà T phải choàng tiền hụi, do không có khả năng choàng tiền hụi nên ngày 30/7/2015 bà T tổ chức họp các hụi viên để xin các hụi viên mỗi người giảm cho bà T 4.000.000đồng khi được hốt hụi. Bà T trình bày tại buổi họp ngày 30/7/2015 các bị đơn là bà T1, bà C, bà D, bà H có mặt và cũng đồng ý giảm cho bà T 4.000.000đồng khi được hốt hụi. Lời trình bày của bà T không được các bị đơn thừa nhận, bà T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh có việc các bị đơn đồng ý giảm cho bà T mỗi người 4 triệu đồng. Bà T cho rằng việc các bị đơn đồng ý giảm 4 triệu đồng có ông Túc, bà Thảo, bà Phượng, bà An và bà Bùi Thị Kim Hằng làm chứng. Tuy nhiên tại biên bản làm việc ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã K đối với ông ông T1, bà T2, bà P, bà An và bà Bùi Thị Kim H1 (bút lục 165) thì các ông/bà này trình bày tại buổi họp mặt ngày 30/7/2015 bà H, bà C, bà T1 bà D có mặt, nhưng không có ý kiến gì, lúc đó các người này có đồng ý giảm cho bà T 4.000.000đồng hay không thì các ông bà không

biết. Như vậy, không có cơ sở xác định bà H, bà C, bà T1 bà D đồng ý giảm cho bà T 4.000.000đồng khi được hốt hui.

[2.4] Mặt khác, các đương sự đều trình bày thống nhất đây là loại hui chủ thảo hưởng hoa hồng, do bà T là chủ thảo hui nên bà T phải có nghĩa vụ nộp thay phần hui của thành viên nếu đến kỳ mở hui mà có thành viên không góp phần hui theo quy định tại Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 Nghị định của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường.

[2.5] Từ những nhận định không có cơ sở xác định các bị đơn là bà T1, bà C, bà D bà H đồng ý giảm cho bà T 4.000.000đồng khi được giao tiền hui nên án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ. Tuy nhiên, án sơ thẩm không tuyên bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là có thiếu sót nên cần bổ sung trong phần tuyên án cho đầy đủ.

[2.6] Do một phần yêu cầu khởi kiện của bà T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.7] Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T, chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết 326.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T;

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã K về cách tuyên án.

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; các điều 6, 13, 18, 23, 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với các bị đơn bà Lê Thị Thúy H; Bà Đỗ Thị C; Bà Lương Thị Thanh T1, bà Phạm Thị Thùy D.

2. Buộc bà Lê Thị Thúy H; bà Đỗ Thị C; bà Lương Thị Thanh T1; bà Phạm Thị Thùy D mỗi người phải thực hiện nghĩa vụ đóng tiền hui chết cho bà Nguyễn Thị T 1.000.000đồng (một triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Lê Thị Thúy H; Bà Đỗ Thị C; Bà Lương Thị Thanh T1, bà Phạm Thị Thùy D mỗi người phải đóng cho bà T 4.000.000đồng tiền hụi chết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Buộc bà Lê Thị Thúy H; bà Đỗ Thị C; bà Lương Thị Thanh T1 và bà Phạm Thị Thùy D mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 800.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị T đã nộp là 1.200.000đồng theo biên lai số 0009456; 0009458; 0009459 và 0009460 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 400.000đồng.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu số 0009699 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã K, tỉnh Long An.

7. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

8. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc

